

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2021/HS-PT

Ngày: 04 - 02 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr.

Các Thẩm phán: 1. Ông Văn Công Dần.

2. Bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 363/2021/HSPT ngày 04/12/2021 đối với bị cáo Nguyễn Hữu C, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cu Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu C**; Sinh ngày: 18/02/1951, tại tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/10; con ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị M (đều đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1957 và có 09 con, con lớn nhất sinh năm 1977, con nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo C: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957 (vợ bị cáo); địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt và xin vắng mặt cho cả bị cáo).

- Người bào chữa cho bị cáo C: Bà Lê Thị G – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H, ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Nguyên đơn dân sự: Sở LĐTB&XH; địa chỉ: Số 23, đường C, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L, chức vụ: Chuyên viên phòng người có công, Sở LĐTB&XH (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Lê Quang S, sinh năm 1966; nơi ĐKKHKT: Thôn 17, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2009 Nguyễn Hữu C, thuê ông Lê Quang S (là em rể của C) xây nhà ở cho C tại thôn 17, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian xây nhà, C có hỏi ông S là sau khi đi bộ đội về đã được hưởng chế độ gì của Nhà nước chưa; ông S trả lời là “Không được hưởng chế độ gì, do không đủ điều kiện”, nên C nói với ông S “*Mày xây nhà cho tao thì tao có thể làm hồ sơ Thương binh cho mày*”. Vì thế C và ông S thỏa thuận sau khi hoàn chỉnh hồ sơ hưởng chế độ thương binh thì ông S sẽ trả cho C 2.500.000 đồng tiền công, ông S đồng ý nên C đã lấy thông tin cá nhân của ông S để thiết lập hồ sơ, thủ tục hưởng chế độ trợ cấp thương binh cho ông S, đồng thời trong lúc về thăm quê tại huyện Đ, tỉnh Nghệ An vào năm 2009, C đến Ban C huy Quân sự huyện Đ liên hệ hỏi thủ tục làm chế độ hưởng trợ cấp chất độc màu da cam, sau đó có gặp ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1950, trú tại xóm S, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An ở tại quán nước đối diện Trụ sở Ban C huy Quân sự huyện Đ, qua trao đổi nói chuyện ông H tự giới thiệu trước đây có tham gia Quân đội, làm ở bộ phận Chính sách, có những mẫu giấy tờ để làm chế độ Thương binh, nếu ai có nhu cầu thì ông H sẽ cung cấp nên C đã ghi lại số điện thoại của ông H. Sau đó C liên lạc qua điện thoại với ông H thỏa thuận mua Giấy chứng nhận bị thương và Quyết định phục viên, đồng thời cung cấp thông tin cá nhân của ông Lê Quang S cho ông H. Sau đó ông H liên lạc qua điện thoại nói C đến nhà ông Nguyễn Mạnh H, trú tại thôn 8, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để nhận giấy tờ và yêu cầu chuyển cho ông H số tiền 2.000.000 đồng theo số chứng minh nhân dân và địa chỉ của ông H cung cấp.

Nguyễn Hữu C đã đến gặp ông Nguyễn Mạnh H theo hướng dẫn của ông H và nhận được Giấy Chứng nhận bị thương số 2814/GCN ngày 10/5/1983 của Trung đoàn 335 do Trung tá Nguyễn Trường C ký và Quyết định phục viên số 11429/QĐ ngày 30/10/1985 của Trung đoàn 335 do Thiếu tá, Chính uỷ Nguyễn T ký cấp cho ông Lê Quang S; sau đó C đến Bưu điện Chợ Việt Đ 4, xã N, huyện K chuyển số tiền 2.000.000 đồng cho ông H đến Bưu điện huyện Đ, tỉnh Nghệ An nhận.

Sau khi có được các giấy tờ nêu trên, C đã viết vào bản khai cá nhân ngày 04/4/2009 và đơn xin giám định thương tật ngày 12/4/2009 với các thông tin cá nhân của ông Lê Quang S, sau đó đưa hồ sơ cùng với Giấy chứng nhận bị thương, Quyết định phục viên mang tên Lê Quang S cho ông S đi làm thủ tục xác nhận tại xã N và nộp toàn bộ hồ sơ đến Ban C huy Quân sự huyện K lập hồ sơ hưởng chế độ Thương binh, ông Lê Quang S được mời giám định thương tật tại Bệnh viện 48 thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk, sau đó được hưởng chế độ Thương binh của Nhà nước.

Quá trình điều tra thì đối tượng Nguyễn Thanh H không thừa nhận như lời khai của C và qua xác minh thì tại thôn 8, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk không có người nào tên là Nguyễn Mạnh H.

Sau thời điểm Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin khởi tố vụ án, khởi tố bị can, C có biểu hiện không đủ khả năng nhận thức, không tỉnh táo, không đủ sức khỏe để làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra. Đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo C cư trú cho biết: Bị cáo C bị suy nhược sức khỏe, không tự thực hiện được sinh hoạt cá nhân, gia đình bị cáo cung cấp các hồ sơ, tài liệu xác nhận bệnh, nhưng căn cứ theo quy định của pháp luật thì các căn bệnh của bị can C không thuộc trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo.

- Tại bản kết luận số 21/KLGĐ ngày 25/02/2020 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên đã kết luận: *Trước, trong, sau năm 2009 và hiện tại bị cáo Nguyễn Hữu C là hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.*

- Tại bản Kết luận giám định số 699/PC09 ngày 17/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thể hiện:

+ Hình dấu tròn có nội dung “QUAN DOI NHAN DAN VIET NAM TRUNG DOAN 335” dưới mục “Thủ trưởng” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu có cùng nội dung trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

+ Hình dấu tròn có nội dung “QUAN DOI NHAN DAN VIET NAM TRUNG DOAN 335” dưới mục “Thủ trưởng” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 được tạo ra bằng phương pháp đóng trực tiếp, không bị chỉnh sửa.

+ Phần chữ in phôi trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 được tạo ra bằng phương pháp photocopy.

+ Không đủ cơ sở để xác định loại mực in Phần chữ in phôi trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Trường C dưới mục “Thủ trưởng Trung đoàn 335” trong tài liệu cần giám định A1 so với chữ ký mang tên Nguyễn Trường C trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là không phải do cùng một người ký ra.

+ Chữ viết trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Quang S trong tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3 so với chữ viết mang tên Lê Quang S trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4, M5, M6 là không phải do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Quang S trong tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3 so với chữ viết mang tên Nguyễn Hữu C trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M7, M8, M9 là do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết mang tên Nguyễn Thanh H trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M10 là không phải do cùng một người viết ra.

Theo thống kê của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì tổng số tiền đã chi trả chế độ trợ cấp thương binh đối với ông Lê

Quang S là 91.102.000đồng. Trong đó tổng số tiền trợ cấp hàng tháng: 83.332.000 đồng; tiền quà Lễ, Tết: 4.750.000 đồng và tiền điều dưỡng: 3.020.000đồng.

Ngày 16/12/2019; ngày 13/01/2020 và ngày 05/02/2020, ông Lê Quang S đã tự nguyện nộp lại số tiền 91.102.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cu Kuin để chuyển đến cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk để khắc phục hậu quả.

Đối với Lê Quang S, đã được xét xử tại Bản án hình sự phúc thẩm số 165/2020/HSPT ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và hiện nay đang chấp hành hình phạt tù.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cu Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm q, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 267 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm q, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C 09 (chín) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Hữu C phải chấp hành chung là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2020 và 14/10/2020 người đại diện hợp pháp cho bị cáo là bà Nguyễn Thị M và người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Lê Thị G kháng cáo đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Hữu C.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị M và bà Lê Thị G vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Hữu C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 09 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là đã có sự cân nhắc xem xét, chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn

cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hữu C về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm còn xét xử bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là không đúng pháp luật, vì hành vi của bị cáo C là cung cấp tài liệu cho ông Lê Quang S và chỉ hưởng tiền công 2.500.000 đồng và giữa bị cáo C và ông S không hứa hẹn hay thỏa thuận để chia về số tiền mà ông S chiếm đoạt được của Nhà nước nên bị cáo C không đồng phạm với ông S về tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về nhân thân bị cáo là người cao tuổi, nạn nhân chất độc màu da cam, hiện đang bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi, bị bệnh nặng, sức khỏe yếu, đã từng tham gia kháng chiến và được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, có con bị nhiễm chất độc hóa học, bị cáo khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do bị cáo C chỉ phạm một tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có đủ căn cứ để áp dụng Điều 29 Bộ luật hình sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo C.

Qua phần tranh luận, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận, đối đáp với nhau và giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục mở phiên tòa phúc thẩm: Phiên tòa lần thứ nhất, người đại diện hợp pháp của bị cáo có đơn xin hoãn phiên tòa và phiên tòa lần thứ hai có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 351, Điều 352 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành mở phiên tòa.

[2] Tại cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Hữu C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, vào năm 2009 bị cáo đã cung cấp giấy chứng nhận bị thương giả và Quyết định phục viên giả cho Lê Quang S, đồng thời viết nội dung lên biểu mẫu bảng khai cá nhân về thông tin quân nhân, đơn xin giám định thương tật, hướng dẫn cho Lê Quang S làm hồ sơ thương binh giả để Lê Quang S chiếm đoạt của Nhà nước số tiền 91.102.000 đồng, bị cáo được hưởng lợi số tiền 2.500.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo C là đồng phạm với Lê Quang S, trong đó bị cáo C là người chủ mưu, khởi xướng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Hữu C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu C gây ra là nguy hiểm cho xã hội, lừa dối cơ quan, tổ chức nhằm chiếm đoạt tiền của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến chính sách đúng đắn của Nhà nước về trợ cấp ưu đãi đối với người có công trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm giảm uy tín của Đảng, Nhà nước với nhân dân.

[4] Xét kháng cáo xin được miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thì thấy: Tuy bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như là người cao tuổi, sức khỏe yếu, bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi, người có công với Cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, nạn nhân chất độc màu da cam, có con bị nhiễm chất độc hóa học, bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội nhưng do bị cáo phạm nhiều tội và thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng do cố ý, với vai trò chủ mưu, khởi xướng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về hai tội là áp dụng hình phạt nhẹ dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định và đã có sự cân nhắc xem xét, chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Mặt khác, ngoài vụ án này thì thấy bị cáo C còn thực hiện 01 vụ án khác mà hiện nay cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đang tạm đình chỉ.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo và người bào chữa cho bị cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

[1] Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo – Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cu Kuin, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

[3] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm q, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm q, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị

quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C 09 (chín) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Nguyễn Hữu C phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày chấp hành án.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện huyện K;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr